

PHƯƠNG PHÁP TRỊ BỆNH HO-LAO

Tôi có 1 phương thuốc trị bệnh ho lao của ông bà để lại hay quá. Xưa nay chỉ để giúp người ở thôn lân. Nó trị bệnh nhẹ thì mau lành, còn bệnh thiết nặng như tiếng tắc, mệt và nóng lạnh liên-miên, tôi cho uống thì chỉ thấy khỏe trong một lúc, không hết; chớ còn như bệnh ho chưa thiết nặng như nói trên và những chứng ho thường như: ho ra máu, ho khan, ho đám, ho gió, ho phong vân vân thì uống mau lành lắm. Còn người bị té bị đánh động phổi tức ngực thì uống càng mau hơn. Có nhiều người dùng thấy hay, khuyến khích tôi làm ra bán khắp nơi cho ai cũng dùng được; nhưng vì phương thuốc này mắc quá nên tôi không muốn. Nay người ta khuyến khích quá và tôi nghĩ lại có nhiều bệnh tổn bạc ngàn mà không hết thì thuốc này sánh cũng không mắc gì, nên tôi làm ra và chia năm mỗi ve uống một tuần thì giá 12 \$ 00. Tùy theo bệnh, uống 1 hoặc 2 hay 3 tuần thì lành bệnh.

Dùng thuốc này rồi ngoài còn phải có cách kiêng cử và lựa chọn món ăn và phương pháp làm cho phổi mau tươi nhuận mới mau lành. (Tôi có chỉ rõ trong toa). Trong hộp có hai thứ thuốc uống: 1 thứ uống nhuận trường đuổi đám trong phổi ra đại trường; 1 thứ bổ phổi trị ho. Vay ai muốn mua, viết thư hoặc mandat để:

Monsieur NGUYỄN-VĂN-SÁNG
(Cụ Hương giáo làng Tân-Quới)
Boite postale n° 10 (CẦN THƠ)

DO PHONG GÌ

Sanh nhức, mỏi, đau lưng, tê bại, sưng, ngứa ngăm, mề-đai, ghê lác. Uống TRÚ PHONG GIẢI ĐỘC HUỒN của Nhà thuốc « HAY » Cầnthơ MANH-LIÊN. Uống ít nhuận trường, nhiều thì xổ. Đàn bà sanh con có phong đen ghê nười không đặng, uống dưới phong sau sanh con nười đặng. Mua lẻ từ 5 \$ 00 khỏi chịu tiền gởi. Giá: 0 \$ 80 Không kỳ thai. — Cần mỗi chỗ một Đại-lý. Tổng Đại-lý Biên-hóa: Huỳnh-thị-Đám R° C° N° 1.

Savon VIỆT-NAM

Tốt nhất

ĐẢ XUẤT BẢN

HUẤN TỬ' CA

của NGUYỄN-VIÊN-KIỀU
Có bài tựa của Hồ-biểu-Chánh
mua sỉ và mua lẻ do

Nhà xuất bản ĐAI-VIỆT

Giá: 0 \$ 25 — 5, Rue de Reims, Saigon



Agent exclusif: Ets BOY-LANDRY

Maison LIÊN-HOA

May y-phục phụ-nữ và đồ Short trẻ em, nhiều kiểu rất đẹp, có chemises và áo bà-bà thêu.

Mme TRƯƠNG-CÔNG-MỬ
N° 108-110 Lagrandière,
gần chợ mới Saigon
Tél. 21.780

Sté des SUCRERIES & RAFFINERIES de L'INDOCHINE

Sucre cristallisé supérieur
Sucre en morceaux
Sirop pur sucre
Mélasse pour distillerie

BUREAU à SAIGON

11, Place Rigault de Genouilly, 11
Direction générale à HIỆP-HÒA
CHOLON

NAM BẮC

Giám-đọc: HỒ-VĂN-TRUNG *
BẢO QUẢN, 5 ĐƯỜNG REIMS, SAIGON — ĐIỆN-THOẠI SỐ 21.543



GIA-ĐÌNH GIÁO-DỤC

Tương lai nước nhà tôi tin chắc chắn rằng sẽ có ngày rực rỡ.

Cái rực rỡ đó tôi trông cậy nhất vào đoàn hậu tiến sau này. Muốn được vậy ta cần phải cải-cách lại lối gia-đình giáo-dục của chúng ta đang hấp thụ.

Tôi không phải là một thầy dạy luân-lý, tôi cũng không phải là một học-giả định cho ra một phương-châm về sự giáo dục. Tôi chỉ là một kỹ-giả đứng về phương-diện của một tên dân luôn luôn ước ao những sự tốt đẹp cho xã-hội, thấy có bốn phần phải trình bày ý-kiến cá nhân để quý độc-giả thử cùng suy nghĩ.

Gia-đình là nền tảng của xã-hội. Nếu gia-đình không ra gì thì xã-hội ấy ắt sẽ vong-hèn và lặn lặn tiêu diệt.

Cải-cách lối gia-đình giáo-dục?

Vấn đề này, theo tôi tưởng, là một vấn đề hệ-trọng nhất cho một xã-hội nào muốn tiến bộ về tinh-thần.

Tôi nói cải-cách đây không phải là lối chế lối giáo-dục của tổ-tiên để lại. Tôi sẽ đi nói vậy là vì tôi rất khờ tâm để ý thấy đa số gia-đình Việt-Nam ngày nay, mượn cơ lân-học, bị ảnh hưởng những loại phim và sách bất-nhã, rồi quên hết thuần phong-mỹ tục, quên hết lễ nghi nước nhà, mất hẳn những đức tánh cao-thượng của nội giống.

Chúng ta ở giữa hai giáo-dục: giáo-dục nho-giáo và giáo-dục phương Âu. Hai lối giáo-dục đó xét kỹ đều có phần hay cả. Nhưng vào thời đại chúng ta mê sa vật chất, chúng ta đã vô tình để cho luồng gió văn-minh vật chất thừa cơ thổi ủa vào quá dữ dội, lối cuốn chúng ta ra xa, thật xa lối giáo dục nho giáo, nghĩa là lối giáo-dục của ông bà ta thuở trước. Trận gió « văn-minh » đó sắp xô ụp chúng ta xuống một vực thẳm điên cuồng. Nơi đây chúng ta bị bối lộ thay hình trạng rất quái gở: nhìn lại không phải là người đất Việt, nhưng cũng không phải là người đất Mỹ, hay đất Âu.

Than ôi! Nghĩ cũng tủi hồ!

Mà thử suy nghĩ lại cũng tại mình. Phải chi chúng ta khôn ngoan biết bám chắc vào gốc giáo-dục tổ tiên, và biết khiêm nhượng không chê bai rằng gốc giáo-dục ấy cổ hủ thì trận gió văn-minh kia có đâu là tai hại....

Vào thế kỷ này và ở vào hoàn cảnh chúng ta, vấn đề giáo-dục có hai phương diện: một là căn cứ ở tổ tiên ông bà, ở lịch sử, có tính cách đạo đức di-truyền: đó là phần cốt, phần tâm-hồn. Hai là căn cứ vào thời đại: đó là phần phụ-thuộc, phần tiến-bộ. Hai phương diện ấy phải có và phải đi đôi với nhau. Tân cựu phải dung hoà, thế mới mong tiến hoá thật về con đường chính đáng, và bảo tồn mãi quốc tụy nước nhà.

Chúng ta hãy trở ngược lại thời-gian, chúng ta hãy đi sâu vào lịch-sử quốc gia, dòm tận mắt ông bà, tổ tiên, dòng họ của chúng ta thuở nọ, chúng ta sẽ thấy kia là những vẻ mặt hiền từ, thông minh, kia là những nét mặt cương quyết, hùng dũng, biểu hiệu của một nội giống đại độ, anh hùng.. Thử hỏi: những vẻ mặt đó và những nét mặt kia có phải chăng là ở trong những gia-đình nho-giáo?? Thế tại sao ta không chia suy nghĩ lại dành chẻ bai và đánh nhàn tâm xòa, bỏ lối giáo-dục di-vãng của tổ tiên ta để lại? Phải nhớ: đó là phần hồn của dân tộc xê ta mà! Một danh nhân đất Việt có nói: « Nếu một

người mà không có hồn chân chính của dân tộc mình, thì người ấy sẽ là một người lai hay một thứ người mắc bệnh cuồng. »

Tôi xin lấy một ví dụ rất tầm thường. Tôi ví giống người chúng ta như một giống cây tốt mọc ở xứ nóng, nếu ai đem nó qua xứ lạnh trồng thì giống cây ấy hẳn sẽ đèo đần, cần còi, chết dần đi. Mà như ta cứ để nó ở xứ nóng và lo săn sóc, lo vun phân tưới nước thêm kỹ càng, giống cây ấy sẽ được bội phần sung túc.

Ý cải cách gia-đình giáo-dục của tôi là yêu cầu đồng chúng hãy thiết tha giữ lấy tâm hồn Việt-Nam, hãy trở lại lối gia-đình giáo-dục xưa, và phải khôn lanh biết hưởng nhờ lối giáo-dục hiện thời của nước Pháp đang phổ thông ra để cho dân chúng được tiến lên trên con đường sáng lạng huy-hoàng.

Chúng ta hãy ghi vào đầu cải cách là bỏ những cái cũ nào hủ bại để đem những cái mới nào tốt đẹp thay vào. Chớ không phải nói cải cách thì bắt luận hay hay dở, hễ cũ thì cứ bỏ còn mới thì cứ theo.

Chúng ta quyết tồn tại. Chúng ta quyết còn giữ mãi tinh-thần cao quý. Vậy chúng ta phải khôn ngoan, có linh ý, có chủ kiến để dạy dỗ thế nào cho đoàn con cháu chúng ta biết đâu là nguồn cội, cho chúng nó có được những đức tánh tốt của người xưa quân-tử. Chúng ta hãy dạy sao cho chúng nó bỏ hẳn cái tánh tech kỹ chỉ biết bo bo lo thân mình, làm hại dân Việt-Nam phải từ lâu đứng đưng một chỗ trong khi các nước khác đồng lòng nắm tay nhau, vui vẻ hân hân tiến lên. Chúng ta hãy luyện rèn cho chúng nó có một khí phách hùng cường, một nghị lực vững chắc, biết ham vui là n việc, biết yêu mến gia-đình, biết phụng thờ quốc gia.

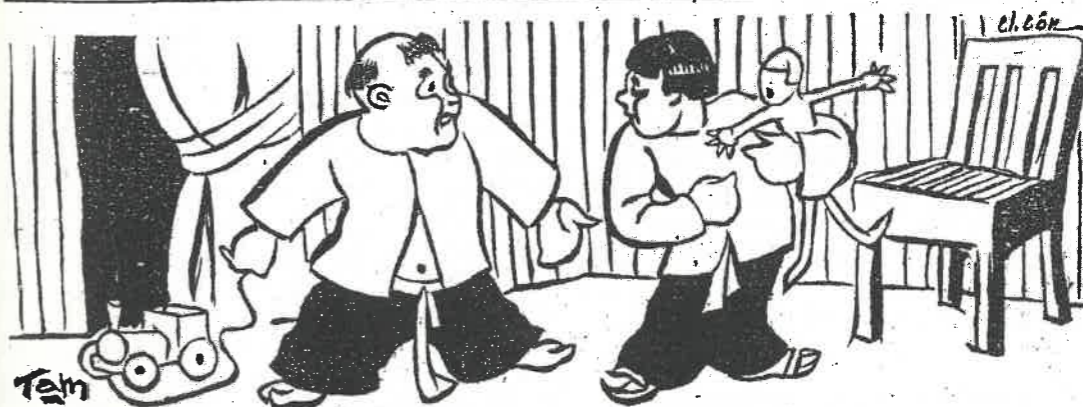
Mà khi muốn dạy dỗ con em chúng ta cho đàng hoàng châu đáo, trước hết chúng ta hãy dòm lại coi chúng ta có là người đứng đắn chưa. Nếu rũi chưa thì chúng ta hãy mau lo tu thân, luyện sức, phải đoạn tuyệt với con đường vật chất, xa hoa, mà chúng ta thường lầm gọi là con đường « văn-minh », « tiến-bộ ». Chúng ta phải cố gắng sao cho trong gia-đình được đầm ấm, chồng vợ biết kính nể thương yêu nhau, ai biết lo tròn bổn phận này. Sống trong bầu không khí thánh của gia-đình như vậy, con cái sẽ hưởng được mọi gương lành đẹp để chúng nó sẽ kính phục triều mến cha mẹ. Và một khi chúng nó đã kính phục triều mến rồi thì cha mẹ dạy gì chúng nó chẳng nghe?

Gia-đình là một xã-hội thái nhỏ, đứa con sẽ là một tên dân trong nước ngày sau. Nếu giáo-dục trong gia-đình suy đồi, đứa con bị hư hỏng, nó sẽ là một tên dân yếu đuối, khiếp nhược, xã-hội tất phải tội bại yếu hèn.

Tóm lại, chúng ta phải kịp chú-trọng cải-cách và chấn-hưng lối gia-đình giáo dục của chúng ta. Hãy biết duy-tri phong hóa nước nhà và noi gương duy-tân của các nước văn-minh hiện đại.

Như thế nước nhà mới mong được một đám dân cường tráng, có một tinh-thần mạnh mẽ sáng suốt đáng khen.

VÕ-HOÀNG-KHANH



— Ngày sau anh lớn, anh làm có tiền nhiều như ba vậy!
— Ngày sau em lớn, em xài nhiều như má vậy!

CAO-MIÊN DU-KY

OUUDONG

OUDONG không phải là một thắng cảnh đặc biệt của xứ chùa tháp. Muốn biết giá trị Oudong chúng ta phải lật lại mấy trang sử-ký Cao-miên. Đời vua Angchan và Chey Chetthah II, Oudong là kinh đô của xứ Phù-Nam (Founan) (tên cũ xứ Cao-miên) — nhưng là kinh đô thứ nhì và tạm thời mà thôi; — kinh đô thứ nhất là Angkor. Trước vua Angchan và Chey Chetthah II, các quốc vương xứ Phù-Nam đều đóng đô ở Angkor; sau bị xứ láng giềng xâm lấn, vua chúa phải lần lần lui đến Oudong. Kinh đô xứ Phù-Nam thuở xưa, bây giờ, chỉ là một cái chợ nhỏ với mấy gian nhà thấp lè tè. Vậy muốn tìm di-tích là một chuyện khó. Muốn chứng-chắc rằng Oudong đã là kinh đô xứ Phù-Nam, chúng ta hãy lên đồi Oudong, họa may còn thấy một vài dấu vết.

Oudong cách thành phố Namvong độ 40 cây số. Muốn đi xe hơi phải mua giấy xe Phnom-Penh đi Kompong-Chhnang vì Oudong ở bên lề con đường ấy — nhưng tiện nhất là đi xe máy.

Khởi hành trong lúc 6 giờ sáng, chúng tôi năm người có kẻ còn sật sừ ngủ chưa thảng giấc. Trời còn mờ mờ; đi đến đâu phải rung chuông inh ỏi. Có hơi lạnh. Những nếp nhà san sát dựa bờ sông Tonlé Sap vẫn im lìm. Trên đường tráng nhựa người ta thưa thớt quá. Thỉnh thoảng, một chị đàn bà, vai nặng nề dưi đòn gánh, hấp tấp ra chợ. Một hàng, năm cái xe bò, kin-kít đi từng bước một đường như các con thú mỗi một lầm rầm... Đã cách Namvong năm cây số, và chúng tôi đã đến quận thứ bảy (7^e quartier); dân cư hầu hết là người Chàm. Mấy ngọn tháp, vươn mình khỏi bóng tối để tìm chút ánh sáng mới. Những thầy tu mặc kinh lam râm đều đều dưới ánh sáng lơ mơ của một ngọn đèn dầu cá. Chúng tôi tưởng chừng lạc vào một miền nào của Bắc Phi-châu. Những sáng tinh sương, từ những vọng-lâu vượt hẳn lên khỏi đám nhè nóc tròn hay bằng phẳng, đưa ra những câu kinh êm tai đầy một lòng tin tưởng.

Những cánh đồng hoang đượm hơi sương. Xa xa một ánh lửa le lói. Trời lần lần sáng. Một con chim nhỏ hót lưu lo.

Tôi Prek Phnau rời chúng tôi ngừng xe dạo xem một vòng chợ. Đó là một khóm phố gạch đơ dầy, buôn bán phồn-thịnh nhờ các bạn biển (tên của các người đánh cá), nhất là lúc có đầy nhiều. Một giải phố dựng dài theo bờ sông buồn bã nhìn những dòng nước Tonlé Sap chảy về sông Bôn Mật. Về mặt phố thì buồn bã thật nhưng các người buôn bán lại rất bài buôi với các bạn biển. Chợ nhỏ năm bảy người họp. Mấy nãi chuối chín đỏ treo lủng lẳng. Một đám rudi xanh xúm xít quanh mấy cái võ thớt. Một « chú » chệt mập theo từng miếng chuối, miệng không ngớt tiếng thỏ.

Chúng tôi lại lên xe. Khỏi Prek Phnau chừng mười lăm cây số đã lộ dạng núi Oudong. Thấy núi gần quá, chúng tôi hằng hái dạp mau lên. Kompong Luong. Phố xá đông đúc hơn Prek Phnau. Bên kia sông những rừng cây xanh chạy dài theo bờ cát trắng. Trở ra đường cũ chúng tôi nhắm hướng Oudong. Đi độ hai cây số có một tấm bản to lớn biên mấy chữ « colline d'Oudong » với một cây tên chỉ đường.

Con đường bề ngang độ bốn thước, trải đá đỏ — mà cát nhiều hơn đá — thẳng một lúc rồi lại quẹo sang tay trái, lúc ẩn lúc hiện trong cảnh vật xác xơ không một bóng người. Một cái ao châu vi rộng lớn mọc toàn sen. Hoa trắng hoa đỏ xen màu với lá xanh nước biếc. Nước trong xanh ánh những mảnh trời không gợn chút mây. Phía bên kia hồ một rừng thốt nốt ầu sần ngấm mình trên mặt hồ như những cô gái quá xuân. Thấy mặt hồ vắng lạnh, chúng tôi mong tưởng gặp một nàng tiên của chuyện hoang đường Cao-miên. Thi kia mặt hồ dợn sóng. Một bóng người khoác nước rữa chân. Tiên hay tục, người đốn nước? Hãy tưởng-tượng, là một cô gái thỏ đẹp của những buổi sáng đầy xuân... Con đường lần lần lên cao. Đây là một cái dốc, chúng tôi phải cố đạp, dốc không cao nhưng cát và đá đỏ nhỏ căn bánh xe làm cho chúng tôi phải

NAN NGHIÊN-CỨU

CÁCH đây vài năm, lại dám-thơ nhảm-nhĩ choán đầy các hàng sách. Với những tựa kêu gọi thi dục, một phần nhà văn lúc ấy đã bán rẻ ngôi bút. Có một lần, người ta đã làm chảy biết bao nhiêu mực về vấn đề nghệ thuật vị nghệ thuật và nghệ thuật vị nhân-sinh. Không biết cần cần lúc ấy nghiêng hẳn về bên nào nhưng đều chúng ta biết được chắc chắn nhất là nghệ thuật lúc ấy vị cái tôi của tác-giả nhiều hơn.

Xảy có thể-giới chiến tranh.

Sự thất bại binh bị của Mâu-quốc đưa lại cho thần dân một cuộc phục-hưng tinh thần, vang vọng khắp đế-quốc trong ấy có Đông-Pháp ta.

Loại dám-thơ bị cấm. Kẻ sanh ra nó giờ lại phải khai tử cho nó.

Thời kỳ của dám thơ đã qua, nhưng bước cho một thời kỳ khác mới mẻ hơn, nhưng không trẻ trung, vì nhiều quyển sách có một tựa đọc lên nghe đạo mạo như một cụ già, chẳng hạn như Việt Nam cổ văn học sử của Nguyễn-đồng-Chi, cuộc Tiến hoá Văn học Việt-Nam của Kiều-thanh Quế... Đó là những sách thuộc loại khảo cứu-đạo-những bậc thức giả hữu tâm đến nền văn học Việt-Nam nghiên ngẫm tra cứu, kẻ cứu, nghiên cứu hay gì cứu cũng được, để bồi đắp nền văn học ấy cho ngày một cao lên và thêm phần vững chắc.

Mãi mãi theo dõi cái mà họ cho là văn minh, họ quên mất cái cũ. Cho đến khi người mà họ cho là văn-minh lên án cái « văn minh » ấy, họ mới sực tỉnh trông về dĩ vãng, quơ bảm vào những cái cổ hữu. Nhìn thấy quanh mình đồng loại phải nạn can qua, bỏ thấy nơi chốn sa trường như con sâu cái kiến, họ không thể tàn nhẫn đến không bỏ được cái giọng văn kêu gọi, hơi hợt để nói chuyện nghiêm nghị hơn. Do đó mới có cái phong trào nghiên cứu, nghiên cứu sử học, nghiên cứu văn học...

Người ta lại cho tái-bản những sách loại ấy mà trước kia còn ối đọng như Nho-giáo, Việt-Nam sử-lược...

Đó là một triệu chứng tốt cho làng văn học nước nhà.

Một vài nhà văn trước kia đầu-độc thanh-niên bằng những dám-thơ, đôi giọng văn theo lối nghiên cứu.

Một vài nhà văn mới tập-lãnh viết lách cũng thiên về lối nghiên-cứu.

Nghiên-cứu và nghiên cứu ! Danh từ này nghe người ta nhắc đến thường quá (trên hay trong những cuốn sách) làm cho độc-giả đâm ngờ, e đó cũng là cái « mốt » của nhà văn.

Thật ra, người ta ngờ đúng. Đánh lộn sông với những sách nghiên-cứu công phu, có những tập văn nghiên cứu trong một tháng, một tuần. Trong khoản thời-gian ấy, có khi nở rộng ra, có khi thu hẹp lại, tác-giả chỉ có việc chấp nhặt lại vài đoạn ở những quyển sách khác nhau (trong việc chấp nhặt có việc dịch-thuật) để làm thành một tập biên khảo (hay nghiên-cứu) với một số trang để coi.

Cái phong-trào nghiên-cứu văn-học, sử học... đáng mừng thật, nhưng nghiên-cứu như thế đó, thì đừng nghiên-cứu còn hơn.

Tôi được hân-hạ h quen biết một người mang phải nợ bút nghiên, cho tôi biết qua cách viết của người ấy như thế này, ý cũng hơi ngộ ngộ.

Nhà văn nghiên-cứu đương lúc trú-tác, óc bận nhiều việc như sưu tầm tài-liệu, phê phán tài-liệu, chọn lọc tài-liệu, xếp đặt tài-liệu rồi viết; trong lúc viết lại phải nghĩ làm sao câu cho suông, ý tứ có mạch lạc. Ở ta lúc ấy phải suy nghĩ lung lăm và bị kích-thích, bị xáo-động và đục lên như nước ao-từ. Cái trong và cái đục, lúc ấy, óc ta không phân biệt được nữa. Phải đợi thời-gian trôi qua, một năm, hai năm, ngắn

dài không chừng, cát bùn và các thứ dơ bẩn trong nước mới lắng xuống đáy, nước lúc ấy mới trong, óc ta lúc ấy mới sáng sủa, phân biệt được thanh-khiết với ô-trược. Chừng ấy, xem lại bản-thảo, tác-giả không được hài lòng, xóa bỏ những đoạn đã viết và tự lấy làm lạ sao trước kia mình có thể viết một đoạn sai lầm như thế. Xóa bỏ cũng có, mà bỏ thêm cũng có. Không phải từ lúc cáo thành tới lúc duyệt lại, tác-giả có học thêm điều gì can-hệ đến đầu-đuôi quyển sách của mình. Không! sở dĩ tác-giả thấy hơi khác trước hay khác hẳn là cũng nhờ óc người sau này thấu suốt vấn-đề, không bị vật gì làm mờ ám như ta nhìn nước ao trong, thấu tới đáy.

Trong lúc đợi nước lắng cát bùn, tác-giả khởi-thảo một quyển khác. Quyển này xong, nước ao đủ thì giờ lắng, đem ra sửa quyển trước.

Tác-giả cứ theo cái trình-tự ấy mà làm việc.

Thế mới đáng gọi là làm việc có phương pháp, nghiên-cứu có công-phu.

Phải mấy năm trường mới cáo thành một quyển sách, chờ nào phải trong mấy tháng mà tác-giả đưa ra hàng tá sách mạng danh là nghiên-cứu được đâu!

Muốn lưu danh hậu thế, muốn tên tuổi trường tồn, chỉ một tác-phẩm cũng đủ, miễn là hay thì thôi, chứ hàng lỗ, hàng tá sách, mà dở thì cũng hoài công.

Đã đánh rằng loại sách nghiên-cứu có ích cho sự bồi bổ tinh thần người đọc, nhưng nếu nghiên-cứu cầu-thả thì nó chỉ hơn loại dăm thơ có một bực.

Đọc sách nghiên-cứu mà có một vài quyển khác bên tay để đối chiếu, kiểm soát lại lời tác-giả, ta mới thấy hay hay. Bằng không tác-giả nói trời ta cũng phải nghe, mà nói đất ta cũng phải dạ.

Àu đó cũng là một lối đọc sách nghiên-cứu, chứ không phải như xem tiểu thuyết, nằm trên ghế xích-đu hay trên giường mà đọc róc một hơi cho hết.

Con nhà văn (có kể nhà văn nghiên-cứu) có sứ-mạng đạo-dẫn quần-chúng. Họ làm, lại kéo luôn đọc giả hay quần-chúng làm theo.

Nước Pháp-tự-hào với các nước vì Pháp-quốc có những pascal, Pasteur, Michelet, Hugo, v. v... Khi người ngoại-quốc có hỏi đến, dân Việt-Nam ta làm gì có những nhà thông-thái về toán-học hay khoa-học để chứng sơ, thì cũng chỉ các ông, các nhà văn nghiên-cứu hay không nghiên-cứu, nếu người ta quên kể những người xưa như Ngô-sĩ-Liên, Lê-quí-Đôn, Nguyễn-Du, Trương-vĩnh-Ký...

Vậy để khỏi phụ lòng người đọc, các nhà văn nghiên-cứu cần phải có cái đức tánh thận-trọng lắm lắm mới được.

Vả trong lúc mực khan giấy đặc này mà các ông nghiên-cứu hồi-hã để cho ra những tác-phẩm cầu-thả, tức là vô ích và có hại, thì cái nạn khan giấy đáng qui tội vào các ông lắm vậy!

HƯƠNG-TRA.

Đêm khuya đọc sách



Đêm vắng-vẽ bốn bề lặng gió,
Bóng trắng trong soi tỏ trước
màn.

Em ngồi tựa án một mình,
Một mình bạn với đèn xanh quyền
vàng.

Hết luân lý lại văn chương,
Một bài em đọc, em càng thêm vui.
Trăng tà đêm đã khuya rồi,
Chưa buồn ngủ, vẫn còn ngồi đọc
thêm

T. B. R.

THANH-NIÊN VỚI HỌC-DU-ÔNG

Dĩ học để làm gì? — Để biết đọc, biết viết, biết tính-toán, để mở mang trí-tuệ... Đó là câu trả lời chỉ thanh-thật nơi miệng các em bé định từ-biệt nhà trường ngay ở cuối ban sơ-học. Đến ban cao-đẳng tiểu-học sắp lên, nếu thành-thật, hầu hết các học-sanh — đã là những thanh-niên — sẽ phải trả lời câu hỏi ấy như thế này: để mong có một chức-nghiệp về sau; một số rất ít có thể nói rằng đến trường để khỏi bị khinh-khi vì thiếu học.

Các bồn-phận đối với chức-nghiệp, đối với gia-đình, đối với xã-hội, cũng như các bài văn phải thuộc lòng, tên các hỏa-diệm sơn chung-quanh Thái-bình-dương, tên các địa chất của cao-nguyên Tây-tạng... người ta đều rần hiên, rần nhớ nó, để mãn năm được lên lớp, để mãn ban học được tới-nghiệp, nhưng không bao giờ nghĩ đến nó nửa một khi giờ học đã hết, ra đã khỏi trường thì.

Dĩ-nhiên tai hại hơn hết của sự vô tâm của học-sanh đối với các môn học là không xem những bài Luận-lý như những bài học về cách ăn ở trong đời; do đó, nhiều người hữu lý, khi phân-nam rằng học-sanh ngày nay kém sĩ-phu đời xưa trên đường đức-dục. Lắm bực tranh xã-hội có thể thấy hằng ngày chỉ rằng sự xét đoán này không bất-công, mà khi xem qua chương-trình giáo-hóa của trường học ngày nay tất ta phải công-nhận rằng những tánh tốt phải có, những thói quen phải chừa người sĩ xưa đã học, học-sanh ngày nay cũng được biết một cách đầy-đủ và lại rõ ràng nhờ những lý-lẽ vững chắc có thể qui phục lý-trí hầu bắt buộc phải tin theo.

Cũng do nơi sự vô-tâm đối với những điều mình đã học ấy, khi đã từ giã học-đường để tìm đường sống, thanh-niên mới lại nhớ đến các cảnh đời mình gặp mà học lấy những đức-tánh đã được học căn-kê từ lúc còn ngồi trên bàn nhà trường. Nơi trường ta đọc thuộc lòng rất nhiều về tánh có thứ-tự, về sự tận tâm với nghề-nghiệp, nhưng ta học tánh có thứ-tự chỉ là khi đã làm một viên thư-ký phải lãnh trông-coi hàng đồng

hồ-sơ, ta học sự tận-tâm với chức-nghiệp chỉ vào lúc phải chịu phần trách nhiệm về tương-lai của cả một lớp học trò.

Kể về các tánh tốt phải có trong việc làm hằng ngày, thì học lại nó một lần thứ hai bằng phương-pháp thực-nghiệm kể cũng không có chi là đáng tiếc; nhưng, để như những phương-châm xử-thế, những quan-niệm để hướng-dẫn cuộc đời ta, thì thật là nguy-hiêm cho ta, nếu ta đợi khi tự lập cuộc đời mới tìm học lấy, vì đã muộn. Khi được chọn lên đường đời tự mình vạch ấy, người thanh-niên muốn đứng vững cần phải có những phương-châm xử-sự, những đường đi nước bước đã quan-niệm một cách rõ-ràng. Nếu không, đời thanh niên sẽ bị hoàn-cảnh quanh-mình chi-phối sẽ tùy ở ảnh-hưởng của người chung-quanh mà xuất-hiện thanh-cao hay hèn-hạ. May-mắn được lân-la với những người nêu gương tốt của cuộc đời trong sạch, người thanh niên mới ra trường sẽ quan-niệm đời mình một cách thanh-cao; vì bằng may phải sống gần những người hằng ngày phò trước mắt họ sự thành-công bằng những mảnh-khoẻ bất-lương ích-kỹ, thanh-niên sẽ diu cuộc đời mình theo một con đường ô-trược!

Chính vì thế mà lắm khi ta phải ngạc nhiên thấy rằng anh B lúc ở trường là một người học trò tốt, chăm-chỉ, công-bằng, đi đến kết-quả tốt đẹp chỉ nhờ ở sự gắng-công, mà khi « ra đời » lại là một người gian-xảo, điêu-ngoa, béc-lọt; còn trái lại, anh A khi ở trường là một người học trò xấu, biếng học, mê chơi, liến-xảo, mà lúc « ra đời » lại là một người chăm-chỉ, thanh-nhã, đoan-trang.

Biết bao thanh-niên « mới ra đời » phải bằng-khuáng than-văn rằng không biết nên có thái-độ gì đối với xã-hội, nên có chi-hướng gì cho cuộc đời mình. Nhà trường, trước khi ta từ-biệt nó, họ đã chẳng dạy ta rằng đời sống, muốn cao-thượng cần phải có một ý-nghĩa vị-tha, cần phải có một công-việc gì trong đoàn-thể? Nếu ta còn nhọc lòng tìm-kiếm để có thể sẵn-sàng nhận-lấy ảnh-hưởng nhiều khi không tốt của những kẻ đã đi rồi, là tại ta đã hoàn-toàn quên, nơi trường ta đã không để tâm vào những bài học về cách xử-sự với đời mà ta đã cố hiên, cố ghi vào trí nhớ; ta không chịu tin rằng những điều ta đã học dạy ta cách ăn ở cho nên người, mà

chỉ thấy ở nó một phương-tiện để mưu-cầu sự sống dễ-dàng.

Sự vô-tâm của học-sanh đối với những điều mình học làm cho học-đường đối với thanh-niên, thay vì là một nơi trau-dồi trí, đức và thể-dục, chỉ là một chỗ dạy cho họ những chuyên môn nhà-nghề, như nói và viết đúng tiếng pháp, biết tính toán, vân vân....

Đành rằng, muốn sống phải có một nghề và thi cho đâu là mục-dịch bắt-buộc của phần đông các học-sanh, nhưng ai bảo rằng để làm đến những điều mình học, cố ghi nhớ những bài của nhà trường dạy với cái ý định nâng cao trình-độ tri-thức mình, học lấy những cách cư-xử ở đời cho ra người cao nhơn-phẩm, những cách làm cho vui-vẻ và giữ-gìn đời sống mình, ai dám bảo rằng như thế là đi ra ngoài đường thành-công với những (ấp-băng) ? Người ta sẽ thi hỏng, sẽ không chiếm được một địa-vị xã-hội về vang chãng, bởi vì mãi lo tấn tới vừa trên đường tri-dục, vừa trên đườn: đức-dục và thể-dục ?

Các sĩ-phu ngày xưa mà người ta nhìn-nhận rằng hơn học-sanh ngày-nay về phương-diện đức-dục, họ cũng học vì khoa-cứ; nhưng vừa cố đọc cho thuộc lòng các Tơ, các Kinh, họ vừa kính-trọng vừa tin-trưởng những điều họ học và tìm trong ấy những phương-châm xử thế, bởi đó là lời của các thánh-hiên mà họ tôn-sùng. Đánh đổ sự vô-tâm của học-sanh ngày nay đối với những bài học của nhà trường, nhất là về môn luân-lý, hầu cho khi phải tự vạch lấy đường đời thanh-niên đã quan-niệm một cách rõ-ràng và vững chắc những phương-châm xử-thế, là một vấn đề xin nhường cho các nhà sư-phạm.

THANH-BA

Bảng giá, song chắc, tốt, đẹp bằng mười ghế xích-đu

Ghế xếp hiệu

toàn bằng gỗ, bố tàn thời, nhẹ nhàng, đem đi rất tiện.



Xưởng đóng: 149; Route Coloniale N° 1 Giadinh

Để bán tại: Hãng Charner, J. Linh, Nguyễn-văn-Trần — Mua sỉ do: Công-Minh.

PHÁT VẢI CHO DÂN NGHÈO

ÔNG Hộ-trưởng Nguyễn-văn-Lượng cai quản hộ thứ 3 tro g Địa phương Saigon-Cholon thấy dân nghèo trong họ áo quần rách rưới, ông mới xuất một ngàn đồng bạc của ông để mua vải mà phát cho dân liệt nghèo. Tiếc thay ông chỉ mua được có 200 thước vải đen mà thôi, giá 500 \$, vì số vải ít, không thể phân phát cho đủ mọi người được nên ông bày cuộc xổ số cho có g bình. Ông sai người đi phát 7 ngàn giấy số cho dân nghèo. Còn vải thì phân ra được 193 phần trong ấy có 3 số lớn mỗi số trúng được lãnh 1 thước rưỡi vải, 5 số tiếp đó mỗi số trúng được 1 thước hai, còn lại bao nhiêu thì mỗi số trúng được một thước, đủ may quần cụ! bán đi làm việc.

C iều bữa 14 Octobre ông mời các nhà báo và nhiều nhà tân-hào đến họp tại Khánh hội mà c ứng kiến c ộc xổ số. Dân nghèo có giấy số lưu-lại chật chợ Nôm-ch ều và đường He rieaux, chực mà dò số. Quang-cảnh ấy đủ chứng-rằng dân nghèo cần dùng vải, đến nỗi một thước mà cũng trông lắm.

Nghĩa-cử của ông Hộ-tr ưởng Nguyễn-văn-Lượng rất đáng khen, chẳng những gây được cảm tình của dân n hèo rong họ, mà nhà thân hào các-nơi ai nghe cuộc phát vải này cũng muốn theo gương ấy mà cứu dân chút ít. Chúng tôi đoán chắc ở các hộ khác và trong các quận ở Lục-tỉnh nếu ai xướng ra xin phép quyền tiền để mua vải mà phát cho d n nghèo thì nhà dư-dã ai cũng sẵn lòng hưởng ứng. Có một điều khó là không biết làm sao mua vải cho được.

Vậy chúng tôi ước-mong-hàng-thương lưu yếu cầu quan trên liệu t ế nào mà mua giùm vải cho các hộ các q ậ. Hễ có vải sẵn, thì quyền tiền rồi mua lại m p át c o dân nghèo, nhất là phết cho dân làm ruộng đư ng cần dùng áo quần đã g đi làm ần.

Viết tới đây chúng tôi chẳng k' ỏi n' ở đến vấn-đề trồng bông vải. Nhờ ơn Ch'nh-phủ ph'ut hột giống, nên năm nay ở các tỉnh dân trồng bông vải rất nhiều. Đó là một tin đáng mừng, mừng vì đồng-bang ta đã biết lo iệp lực đời nhà cầm Quy n m' trừ nạn thiếu vải. Nhưng c ứng tôi còn ước mong đồng-bang cố gắng trồng thêm nữa, trồng ho i. trồng cho nhiều hê có một chú' đất trồng thì trồng vô, l m như thế chúng ta mới có áo quần m' mặc.

N. K. T. B.

Cuộc lạc-quyên sung tu phần mộ cu Thu-khoa NGHĨA

THEO thư số 723 A. S. đề ngày 16 Avril 1943, quan Chánh chủ tỉnh Cánhơ có cho phép Hội Khuyến học Cánhơ mở cuộc lạc-quyên « sung tu phần mộ cụ Thủ-khoa Bùi-hữu-Nghĩa », một danh nho khí tiết của đất nước Tây-Đô. Số tiền quyên hạn định đến hai ngàn đồng (2000\$00), và ngày khóa sổ là ngày 30 Septembre 1943.

Quan Chủ tỉnh Cánhơ lại hảo tâm ghi tên vào trang đầu quyển sổ vàng để tỏ lòng qui mến một bậc chơa tài đức hạnh và tỏ ý tán thành công việc làm có ý nghĩa của hội Khuyến học Cánhơ.

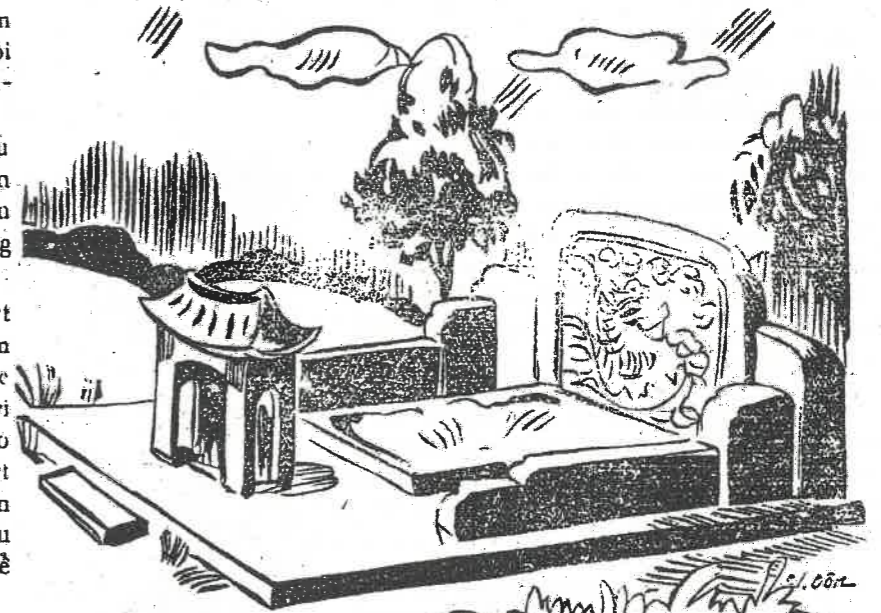
Đó là một biểu lộ của tinh thần Pháp Nam thân thiện ngày càng mạnh mẽ vậy.

Rồi thì lần lượt những nhà hảo tâm xa gần gởi đến lạc quyên, kể ít người nhiều, chẳng bao lâu số bạc nhưt đĩnh (hai ngàn đồng) được thâu nhập một cách dễ dàng.

Sau khi khóa sổ, hội Khuyến học Cánhơ xin thành thật cảm tạ Quan Tham Biện Chánh Chủ Tỉnh Cánhơ và các vị mạnh thường của nền văn

học xứ này đã chẳng những phụ giúp về tài chánh, lại còn nhiệt liệt khuyến khích bằng tinh thần.

Bản đồ của ngôi mộ do họa sĩ Nguyễn-văn-Mười vẽ xong, xin trình bày cùng hàng thức giả có quan tâm đến cổ phong, văn học. Nếu trong những nhà khảo cứu cổ tích, tham bác kiến trúc có thấy điều sơ sót, vụn vè, xin sẵn lòng chỉ về để cùng hiệp sức gầy dựng nên một dấu tích quý hóa lưu lại đời sau.



Mộ của cụ Thủ-khoa Nghĩa

Thơ từ xin đề ngay cho: Bác-sĩ Lê-văn-Ngón, Hội trưởng Hội Khuyến học Cánhơ.

Maison LIEN-HOA

Máy y-phục phụ-nữ và đồ Short trẻ em, nhiều kiểu rất đẹp, có chemises và áo bà-ba thêu.

Mme TRƯƠNG-CÔNG-MÙI

N° 108-110 Lagrandière,

gần chợ-mới Saigon

Té. 21.780

Vàng Quận-Chúa, chả Quận-Công, Diện toàn đồ đẹp, ăn rỗng miếng ngon, Gỏi xa nó nước tiêng đôn, Nữ trang ngọc thạch, bánh dòn phồng tôm, Sáng mai cho đến chiều hôm, Quận-Công, Quận-Chúa luôn luôn chặt Saigon chỉ có hai nơi! 1 người.

Ngô-tùng-Châu

Từ xưa đến nay nếu tôi không làm thi chắc đã có chẳng biết bao nhiêu thi-nhân oặt lắt cả lòng thương nhớ vào những lời thơ tuyệt-dối mà khóc cụ NGÔ-TÙNG-CHÂU. Phải l trước một cái chết rạn-rỡ vì lòng trung-ái của một bực công thần, một danh nhân đủ tiết-tháo, dù cho hạnh như cụ, tôi tưởng không ai có thể lãnh-đảm như nước bao nhiêu cái chết tâm thương kuac.

Tiếc thay l ói chưa có hàn-hạnh mà đọc một bài nào ve cụ NGÔ cá.

Đêm nay không biết bao nhiêu lần tôi gõ xem lại tiêu-sử của cụ, lòng tôi tự-nhiên xao-động và b.đau-ba một cách khác thường. Dự xúc-cảm gây ra một phần vì tôi tưởng-tượng đều nỗi nước-nhân cơ-cực của những ai ra gánh vác giang-san cũng có, một phần vì tôi nghĩ đến sự tở-o của một số người suốt đời, cái bôn-ba danh lợi chưa hề bỏ một phút nào để vụng-tưởng đều các tiên-nhan đã có công xây dựng tổ-quốc, non sông l Ói, lòng người!

Trong lúc các bực anh-tài trong nhân loại được nhắc đến để tán-tụng công-danh, tại sao ta chẳng noi cái gương vô cùng đẹp-dẽ ấy mà nhớ lại ai kia tự nghìn xưa cũng sống một đời hiển-hách chẳng kém gì ?

Bạn Kim-anh-Tử đến thăm tôi, đang lúc nỗi đau-buồn còn in trên nét mặt. Tôi giải-bày mối u-ân trong lòng tôi, cùng bạn một lúc lâu. Bạn cứ ám dút câu chuyện bằng một cái thờ dài bao hàm bao nhiêu sự thống-thiết của một tấm lòng biết ơn và biết nghĩa.

Sáng hôm sau bạn gởi đến cho tôi một phong bì dán kín; mở ra xem chỉ thấy một bài thi đề tựa là Ngô-tùng-Châu l Không bao giờ tôi cảm-động hơn lúc ấy: Vậy ra ở đời vẫn còn nhiều kẻ có lòng l

Góp một chút ánh sáng dầu chưa làm được vẻ-vang cho đất nước, nhưng viết ra đây để tỏ lòng n ở người trung t ảnh tiết-liệt dưới trời Nam, tôi tưởng cũng không phải làm một việc vô-ích vậy:

NGÔ-TÙNG-CHÂU

Nghìn thu gương dề, một danh nhân,
Trọn kiếp thờ vua dạ chẳng sờn !
Lời ngọc bao phen yên đất nước,
Bút lông mấy độ giữ giang-san !
Hai năm cố thủ an Bình-Bi h,
Một sáng vì trung rủ bụi đời !
Ai biết nẻo về thăm Thê-miêu,
Xin cho gởi ít lệ lòng rơi !

KIM-ANH-TỬ

Liệt-phu 1943



— Nghe nói chồng trước của cô quá vắng, tôi không biết trong trường hợp nào ?
— Chồng trước của tôi rồi bị xe hơi cán.
— Có cái giá với ai ?
— Tôi cái giá với người chủ xe đã rũ tay bánh đó !



Loạt-phụ, le 10 Octobre 1943.

CHỊ KIM-TUYỀN,

NAMKỲ số 54 ra ngày 30/9/43 có đăng bức thư của chị viết cho chị Ngọc-Tuyền. Trong thư, chị có nhắc nhở đến nhiệm vụ của bạn gái đối với gia đình trong thời kỳ phục hưng này, nhất là chị nói đến nữ dung. Chị lại còn mong sao cho tất cả hàng nữ giới trí thức trả lời chị một cách sốt sắng.

Đồng ý kiện với chị, em thấy rằng trong thời phút này, trách nhiệm của chị em mình đối với gia đình lại càng nặng nề và khó khăn vô cùng. Không những phải có một phương châm qui củ khéo léo, một giáo dục hoàn toàn để đúc luyện trong đầu óc đàn trẻ ngày thơ của mình, rồi đây, chúng sẽ là tinh hoa của đất nước; không những phải săn sóc thay cho chồng những khi bận rộn, để người chồng được rảnh rang, đem hết ý trí phụng sự cho quốc gia, xã hội; còn phải biết an-ủi, khuyến khích chồng trong cuộc thăng trầm của trường đời với cõi nhân sinh, với hai vai nặng bôn phận làm người, làm một tên dân có lòng với gia đình, có óc với giang san.

Ta còn phải có cương quyết gạt bỏ những mầm ung độc, nó có thể đem gia đình đến cái dốc suy vi, bạc nhược. Đem cần lao hiến cho gia đình để gia đình thành cái máy tuần hoàn nhả ra « ánh sáng phần thịnh của tương lai ». Đừng ngưng lại một phút nào cái máy tuần hoàn ấy tự nhiên công ta không nhỏ, gia đình và tổ quốc sẽ chịu ơn ta nhiều lắm và ta cũng được mãn nguyện với kiếp sống của ta đầy vinh quang của chiến thắng.

Trong phút này không phải là thời phút ta lãng quên những trọng trách của ta đối với gia đình, trái lại, ta cần phải đem hết trí não mà kiến thiết, mà phụng sự. Chẳng phải chỉ

com dẻo canh ngọt, coi sóc nhà cửa, dạy dỗ con thơ, còn phải đề ý-đến xã hội, đến-tinh-thần của quốc gia đôi chút mới có thể cầm cân nảy mực một cách đứng thẳng bằng cho gia đình.

Lúc nào, mình cũng cần phải hện cho mình rằng địa vị mình không phải chỉ là địa vị của một cái máy để hay là phạm vi phụ tạp của nó.

Các báo đã nhiều lần bàn về bôn phận thiêng liêng của người đàn bà một cách xã-đăng hơn, vậy chị cho phép em đứng quá lạm bàn.

Em cũng công nhận với chị rằng ít lâu nay, đứng về phương diện kiều mẫu y phục, chị em ta đã thấy tiến bộ nhiều; nó ăn nhịp với trình độ học thức và luân lý của chị em ta.

Nhưng đó là một số người rất ít.

Nhiều chị em đã không biết chọn màu áo may cho ăn nhập vào khổ người, chọn màu mặc lựa theo nước da, thời tiết cho tôn nhan sắc của mình thì chờ lại còn ăn vận một cách qua loè-loẹt, riêm rủa, cầu kỳ, dùng những màu sắc không cân đối dị dăng, còn kiểu mẫu thì quá vụng về nó hình như lúc nào cũng « cái lộn » với chủ nhân.

Đã như thế rồi chị em còn chưa chịu. Một phần đông chị em lại còn làm cho em ngao ngán thêm bằng dùng các hàng hết sức mỏng trong y phục. Cái áo dài, màu gay gắt như « đánh » vào mắt mọi người, lướt thướt mỏng dính ôm lửng lơ một thân hình gầy mà bên trong, chỉ em chỉ bận một thứ áo lót rất đơn sơ làm lòi những thớ thịt, soi rõ vai, ngực, trông rất bở hững.

Nữ dung của một phần chị em ấy đã chửi rủa độc địa luân lý xứ này, học thức và mỹ-thuật là khác nữa. Giữa đó hội, những cây thị ấy đã không lấy thế làm hồ người còn can đảm phỏ ra ngoài ánh sáng bằng những gương mặt mãn nguyện, thì em thiết tưởng nó là cái nhục chung của chị em mình.

(Coi tiếp qua trường 19)

OUDONG

Tiếp theo trang 4

khòm lưng thêm chút nữa. Không một bóng người trên đường cát bụi. Một luồng gió khô khan thổi, lúi cuồn những hạt cát đỏ bay từ tung. Mưa lưu huỳnh của rừng thông làm cho họa-sĩ đề mê bao nhiêu (Phần thông vàng) thì mưa cát đỏ làm cho chúng tôi khó chịu bấy nhiêu. Chúng tôi phải nheo mắt để tránh từng hạt bụi.

Kia trước mặt đồi Oudong mấy ngọn chần ngang tầm mắt du-học. Một mái chùa uốn cong uốn chu uốn như vũ-nữ Cao-miền. Vuốt mai tóc rối, núm đẫy những cát-bụi, chúng tôi lần lượt trèo lên nấc thang đá đến cảnh chùa. Im lặng làm sao! chúng tôi r-n-r-n vào; một ông sai, trạc năm mươi tuổi, gò má rộp, vui vẻ bảo chúng tôi bước vào — c-ú-g tôi không biết tiếng Cao-miền thành ra phải hiểu bằng những cử chỉ của ông sai. Hai nãi chuối đặt lên bàn thờ, mời n-ười ba cây nhang lần lượt vái dâng thần-linh phủ-bộ kẻ « lạ-loai ». Miệng làm râm khấn, hai mắt ông lim dim dường như đang tìm một lễ nhệm-màu trong làn khói quỳ. Xong xuôi, ông sai cho một cậu bé — chút nữa chú g tôi phạm-thương — một ông sai nhỏ dẫn đường chúng tôi lên núi. Con đường lên núi là hình những nấc mà người ta đặt trong đá cho dễ đi.

Một tòa nhà cao lớn đứng sừng sững. Ông sai một nhọc mở cửa cho chúng tôi vào. Cảnh cửa lầu ngay không ở đâu kêu lên ken ken ánh sáng ứa vào. Đàn dơi hoàng-nốt bay. Chúng tôi rùng mình vì tòa nhà có vẻ thần-nghiêm qua, bình tuấn cho kỳ, dòm vào trong, chúng tôi thấy một tượng Phật khổng-lô ngồi thiền-định. Đức Phật trà-n ngâm dòm qua bên kia núi; tượng đến cảnh Niết-bàn? Tượng Phật sơn bằng một màu vàng cổ kính. Một chút khói tỏa, một lòng từ-bi vô hạn phát ra từ nét mặt, từ đôi mắt, từ vòng tràng, trong dáng điệu thanh thoát của trà-n-mặc...

Trèo lên một chút nữa, chúng tôi thấy ba bốn cái tháp (stupá) chứa tro của mấy vị vua qua cố. Lặng lẫm các vị vua Việt-Nam cầu kỳ bao nhiêu thì stupá của các Miên-vương gọn gàng bấy nhiêu. Stupá không có vẻ cầu kỳ nhưng không kém về mỹ-thuật. Mỗi ngọn tháp đều đứng trên những cái nền cao quá hai thước. Xung quanh nền người ta rào bằng

những bao-lơn bề cao độ một thước rưỡi. Trước mỗi ngọn tháp đều có dựng một tấm bia.

Từ chơn tháp đến đỉnh tháp đều có chạm trổ khéo léo nào những vũ nữ uốn mình, những con ngựa dữ tợn. Trong mấy ngọn tháp có một cái còn mới, ấy là tháp thờ vua Sisovath Monivong vừa băng hà năm 1942.... Nắng lên lần lần uốn đổi chúng tôi đang đứng. Giữa nền trời xanh không gợn mây, bốn ngọn tháp oai nghi như những tên thi-vê trong hoàng cung, gìn giữ mãi mãi tro tàn của những đấng quân vương.

Bây giờ, dòm xuống, chúng tôi chỉ thấy một đám rừng cây xanh bao phủ chân đồi như một vòng hoa. Núi rừng con đường đá đỏ nhỏ bằng ngón tay uốn lượn, kh-ấn khi hiện trong những tán cây n-át mẽ. Một cánh đ-ặng bát-ngạt đến tận chân trời. Lúa xanh uốn lượn theo chiều gió. Nhưng, luồng gió nhẹ quá không phá-ặng bầu im lặng của buổi trưa nắng gắt, chợt lâu, xa xa đưa lại danh âm uể oải của ban nhạc Cao-miền!

Tiếng nhạc khi trầm khi bổng, khi lên cao khi bị gió lấp làm cho chúng tôi để hết tâm trí lắng nghe không dám động đến chiếc lá vừa rớt xuống vai. Chúng tôi sợ mất lắng thanh âm có một khi ng hai của những giờ tịch mịch như một ngày — những nhạc-sĩ chúng tôi tưởng — với những nét mặt buồn, râu rầu một ông những phương trời nào đâu. Có những buổi trưa nào, hồn lảng lảng muốn tìm một chút thanh cao, tay nhàn phàm đàn, tay đàn n-ững miếng tre muôn điệu, tay đập những cái trống không hét om sòm... để cho tâm hồn hòa theo điệu nhạc...

Sang bên kia đồi chẳng có chi lạ. Một cái Sala (nhà thờ) rất độc đường cho những khách ở đường trọ (đ-ở) sạch-sẻ, lớp ngói dựng trên một cái gò cao ráo xung quanh có tầng me bao phủ; năm cái chông tre đ-ở ngoài hi ng ba ch-ờ những vách một mỗi đánh một giắc, hưởng chút gió hiu hiu, lắng tai nghe nhạc lời của cây cỏ.

Ai muốn tìm tịch mịch? Hãy đến đây những người chán đời nào nhiệt của Kim thành. Người muốn ngắm cảnh tượng sông Hương núi Ngự? Thì ng-ời hãy nằm xuống đây, ngắm cảnh riêng xác xơ những trái núi chưa đ-ược vật chất của các vị anh hùng. Sông Hương chảy lờ đờ nhuộm

CHUYỆN LẠ THẾ GIỚI

NGƯỜI TUYẾT hay GIÓNG NGƯỜI CAO 4 THƯỚC

Ư nhiên trong bài này, tôi không nói tới những người vì hạch trong đầu bị bệnh mà thân thể phải bị sửa đổi một cách lạ thường qua chuyện một người đơn bà nọ trong yêu kiện diêm lệ hồng biên thành một người đơn ông trẻ khỏe xấu xa với hai bàn tay và hai bàn chân lần lần to lớn ở dề, gương mặt xương reo trên một cái cằm đồ sộ, và tiếng nói kh-ấn kh-ấn như của một người vừa t-ấn g-ác. Cũng vì có một cục hạch nhỏ hơn đầu ngón tay phải hình mà có người thì nhỏ nhỏ đ-ặt cằm, có kẻ lại « nhỏ giò » chẳng bao lâu đã thành « tre miếu ». Cũng « nhỏ » có bệnh như thế mà một người dân nước Áo được tiếng tầm lưng lầy. Anh cao đến ba thước hai và nặng hai trăm ki-lô. Ốc anh là

màu tang thương của những chiều Huế lâu sâu thì sông Tonlé Sap cũng chảy lờ đờ, mùa nước đứng, âm-t-âm hát mấy thiên anh hùng ca bắt-hủ của giông Khmer. Người có muốn nghe tiếng chuông Thiên mộ? Thì đây, lúc anh vừa cuối cùng sắp tắt sau đỉnh đồi, người sẽ, trong mấy phút, như kẻ đang linh đình trên dòng Tiếu-kim thủy, nhớ đến đạo lý cao-siêu của Phật Thích-a.

Ba giờ chiều. Rời bỏ Sala, chúng tôi sang đồi khác; cũng những con đường nhỏ hẹp, những bụi cây còi cọc. Tới đỉnh, chúng tôi thấy một cái am nhỏ cửa đóng kín mít. Tò mò, chúng tôi hé cửa d-òm vào. Trong am tối đen. Một tượng Phật nằm theo chiều dài gian nhà cũng như tượng Phật ở Phnom Basset, nhưng có điều khác hơn là tượng Phật này nhỏ hơn và dưới chân Ngài có mấy tượng Bồ-tát phủ phục. Khép cửa lại, rón rén ra ngoài, chúng tôi sợ phá giắc ngàn năm của bực uyên tâm triết lý...

Đ-ờ đ-ờ những con đường cát bụi chúng tôi ngoài lại d-òm lần cuối cùng « lắng tâm » của các quốc-vương Cao-miền. Trong buổi chiều sắp tàn, chúng tôi nằm du khách trong mấy giờ, phá bầu im lặng của đất trời Oudong để trở về cuộc sống tầm thường đều đều như cái m-ây!

TRẦN-NGỌC-LÁU

một kho tàng quý giá vì có lẽ nó sẽ giải quyết được những sự bí mật về ảnh hưởng của vài cục hạch trong đầu đối với ngũ tạng lục phủ của con người. Ảnh hưởng thấy vai tuồng quan trọng của anh nên anh đã làm tờ đi chúc h-ứa thần-anh cho một việc chuyên về Sinh-lý học đ-ặng người ta có thể sẽ đầu anh sau khi anh mất hẳn tìm nguyên do đã cho anh bị xương khổng-lô ấy.

Đó là người bệnh, mà đây chúng ta không nói về bệnh hoạn. Theo cáo nhận xét của tôi — và cũng như của tất cả bạn đọc — người cao lớn thường sanh ra ở xứ lạnh và tôi chắc không có đời quan nào cái phong lâm liệt bằng đời quan nào cái phong lâm liệt nào cũng cao lớn nữa là một thước ch-ín. Nay nghe nói « người bốn thước » có lẽ các bạn đã n- ra nghĩ ngờ là ông ta có va ch-ác cũng có người sẽ hỏi tôi có khi nào gặp được người cao lớn ấy chăng?

Tôi thú thật là không, tuy tôi cũng có dịp để ch-ờ để xử n-ày xử n-ọ. Nhưng trên đời, biết bao việc ra ngoài cái công lệ « mặt có tay, lòng mới tin ». Trong chúng ta đây, mấy ai được thấy dân da đỏ mà nào có ai chẳng tin rằng có. Ta học thêm biết rộng, có phải là còn nước ở sacu mà ta đ-ợ, ở những chuyện mà ta nghe thuật chẳng?

Tôi bình sanh ham đọc ký sự dù ký, phải chăng vì tôi còn nuôi trong tâm óc cái chí phiêu lưu? Bằng lòng tượng, tôi theo tác giả quyển sách « L'Inde secrète et sa magie », để bước đến Ấn-Đ-ộ, xứ này bị mê với những thầy tu huyền bí phép thuật cao cường. N-ở vậy, tôi được nghe ông thuật câu chuyện sau này mà ngày nay tôi h-ểu các bạn đọc.

« Đã nhiều lần, đây là lời của ông Rivière, tôi có nghe nhiều người đi hành hương nói tới « người tuyết » (homme de neige) — vì họ luôn luôn sống trong tuyết — trên dãy Hy Mã

Lạp Nhã (Himalaya). Hồi tôi còn ở Allahabad (Ấn-Đô), tôi có gặp ông Shipton, người đã từng thám hiểm trên núi ấy, thuật rằng trên cao lối nửa ngàn thước ông và hai người cu-li có thấy những dấu chơn thật lớn in trên tuyết. Trước những dấu vết đông sợ, hai người cu-li dám ra hoang hốt, một mực chối từ không chịu bước tới nữa, vì đã mấy lần nhiều người bị giống người ấy giết gần chót núi Everest. Như dịp đó các bao cũng có nhắc lại chuyện ông Howard. Ông này cũng có thấy những dấu chơn to tương trên núi cao sau ngàn thước mà chưa hề gặp dấu kẻ — người hay thú — đã in chơn trên tuyết như thế.

« Tôi — ông Riviere nói tiếp — cũng có hỏi thăm nhiều người đi bán hương mỗi năm trên Hy-Ma-Lạp-Nha về việc ấy và có được nghe một người thuật cuộc gặp gỡ kinh khủng sau đây :

« Thật vậy, quả có một giống người cao lớn mà họ không phải là khỉ hay là gấu. Họ sống trong rừng rậm xứ Népal (Ấn-đô). Lối họ biết nhiều người dựng vây họ và nghe họ nói một thứ tiếng lạ kỳ. Chính tôi đây, tôi cũng gặp họ một lần ở ca nay không bao lâu. Như dịp lên banau tương trên một nhà tu ở gần ranh bắc xứ Népal, tôi nghe vài người bạn xứ họ hay rằng, có một người mới gặp dấu chơn « người tuyết » và một đoàn thám hiểm sẽ lên chỗ ấy mà khám xét cho tận tường. Tôi liền xin nạp đoàn cùng đi một lượt. Luôn trong tám ngày tương, chúng tôi đi ruộng trong rừng hoang cỏ rậm. Bọn tôi ban đầu rất đông nhưng càng ngày càng ít và trước những sự khó khăn ngăn trở, nhiều anh phải nản chí ngã lòng : nao là voi rừng kiếm thè mà dạy xe chúng tôi, nao là nùm dữ beo to rình rập chúng tôi lúc vừa thu thú ngừ ...

« Nhưng mặc, chúng tôi cứ tiến. Kế một bữa kia, vào khoản đứng ngo, trong sự êm uem thanh tịnh của tạo vật muôn loài, chúng tôi bỗng nghe tiếng dưng dưng liên tiếp. Là chưa ! Chỗ này đã không ai lại vắng mà lại toan núi thăm rừng cao với những tảng đá kết xù, với những cỏ thọ cao tận mây xanh, với những thác nước chảy ò ò không dứt. Tiếng dưng dưng này phải chăng là tiếng núi lay hay đất chuyển ? Mà có lẽ nào được vì nghe nó có nhịp nhàng thục nhất.

« Chắc làm sao cũng có người ở chỗ này. Phải tìm gặp họ cho được.

« Cần thận, chúng tôi nắm tay nhau mà lần bước. Thoạt nhiên, một người trong bọn chỉ

cho chúng tôi dấu chơn người trên đất bùn lầy. Quả thật ! Kia, còn nhiều dấu chơn nữa thật lớn, dài tới sáu thước. Không nên nổi sự khùng khiếp, mọi người vụt la lên một lượt : « Người tuyết ! Rồi mạnh ai nẩy chạy. Chúng tôi đã quên phứt rằng đó là vật mà chúng tôi muốn tìm cho kỳ được không màng chi mạnh tay độc xá. Một lát sau, khi tỉnh lại, chúng tôi còn vờ vện có ba người, kỳ dư đều chạy mất cả. Chúng tôi ban với nhau rằng : « Giống người có chơn lớn ấy bề gì cũng là người có lẽ nào dữ hơn cọp, độc hơn voi. Chúng ta đã tránh khỏi nạn hùm ăn voi xé, có lý nào lại chẳng thoát khỏi bàn tay hung ác của loài người ».

Trái tim đập mạnh, hai cẳng run run, nhẹ bênh chúng tôi dễ bước trong sự phập phồng lo sợ. Tiếng dưng dưng càng phứt nghe càng lớn. Bỗng một người trong bọn ra dấu biểu ngừng. Trong một long chảo mà chung quanh đều là những tảng đá to, một cảnh tượng lạ lùng bày ra trước mắt kinh ngạc của đoàn thám hiểm : hơn mười người giống khỉ, cao từ ba tới bốn thước, ngồi thành một vòng tròn. Một người cầm dùi đánh trên một khúc gỗ bọng ruột dùng làm trống mà tiếng dưng dưng làm vang động cả núi cả rừng cũng đủ cho đoàn thám hiểm của họ là bao. Mấy người kia im lặng lắc mình qu. lại. Chắc là một sự cùng kiên chí đây vì ai nấy có vẻ nghiêu trang tế chình. Minh họ uầy lòng là và mặt họ nửa im giống khỉ nửa lại giống người ; nhưng cách họ ngồi, tổ ra họ không phải thú, như là cách đứng ngay thẳng của người đánh trống. Tuy trời tuyết giá băng, gió heo hui hắt, họ cũng chẳng che thân bằng áo n áo manh quần. Trên mặt họ lộ ra một nét đau đớn vô ngần.

Trơ trơ như đá, chúng tôi ngồi như cảnh tượng quái gở và mấy người la lùng vậy. Ở đâu họ đến đây ? Họ là ai ? Chẳng có dân tộc nào khác ở gần đây. Người ta chỉ biết họ bởi những dấu chơn to tát mà họ in trên tuyết và đất bưng đất sống bằng cách nào ? Họ ăn chi ? Mấy người mà họ đã bắt sống, nào có ai trở về đâu mà hỏi, cho chúng ta hay biết. »

Ấy là chuyện kỳ diệu, huyền bí mà ông Riviere nghe thuật lại. Bịa hay thật ? Tin dưng chẳng ? Giống người cao lớn ấy có thể có dạng chẳng ?

LÊ-VĂN-NGON

Trong một kỳ tới : Thử xét giống « người tuyết » có thể có dạng chẳng ?



của HỒ BIÊU-CHÁNH

(Tiếp theo)



Một người trạm làng đi nhất thơ, bước vô trao cho Cang một phong thơ, Cang trương bối-rối trong trí, hỏi vậy chàng lật đặt lấv thơ hỏi vô túi áo, không thêm coi mà cũng không nói tiếng chi hết, cúi đầu từ mẹ, rồi đi theo ông Thu mà ra ...

Có ba Minh khóc rống lên, nghe rất thắm.

Cang châu mày, đứng khựng một chút... rồi đi tuốt.

XII

Cang xuống tới Chợ lớn thì đã tối rồi.

Chàng tư-lự trong lòng, bây giờ ra đi, nhà cửa để đây ai coi, còn tiền cho mượn phổ mỗi tháng giao cho ai thâu góp giùm. Con Mèo ở với cô mình đã lâu, có lẽ mình giao nhà cho nó coi được ; mà nó còn nhỏ quá, nó góp tiền nhớ rồi biết nó có gìn-giữ cho mình được hay không.

Chàng đương bối-rối, bỗng có cô Sáu ghé thăm. Chàng tiếp chào và mời ngồi.

Cô Sáu bước lại bàn thờ của ý hai Thanh, lật một cây nhan mà cầm rồi mới chịu ngồi. Cô liếc mắt thấy Cang có sắc lo buồn thì hỏi : « Bữa nay sao coi cháu không được vui ? Cháu có việc chi bối-rối hay không ? »

Cang châu mày ngồi lặng thinh một hồi rồi mới đáp :

— Cháu có một việc riêng, cháu không biết liệu làm sao cho xuôi, nên cháu buồn quá.

— Cháu có việc chi ? Cháu nói cho cô hiểu rồi cô liệu cho. Có đã có dân nếu cháu có cần dùng việc chi thì cứ biểu con Mèo kêu cô, sao cháu không kêu ? Cháu có việc chi đó ?

— Cháu xin tỏ thiệt với cô : cháu không muốn ở xứ này, cháu muốn đi xa, mà có lẽ đi lấy lấy. Cả hai cháu mất, có giao nhà cửa, phố xá lại cho cháu. Bây giờ cháu đi, cháu không biết hỏi cho ai coi thế. Giao nhà cho con Mèo coi thì được, còn giao cho nó thân góp tiền nhớ thì không tiện, vì nó còn nhỏ quá. Tại như vậy đó nên cháu bối-rối, không biết liệu làm sao cho được.

— Cháu có muốn đi đâu thì cháu cậy má cháu coi giùm cho cháu.

— Thưa, không được. Cháu không muốn má cháu can dự đến gia-tài của cô hai cháu.

Cô Sáu chưng-hững, ngồi suy nghĩ một chút rồi hỏi :

— Cháu tính đi bao lâu ?

— Đi bao lâu cháu chưa biết định. Không biết chừng năm sáu tháng, hoặc một năm, hay là năm ba năm, việc ấy không biết trước được.

— Vậy chớ cháu muốn đi làm việc gì ở đâu mà không biết trước ?

Người hỏi câu ấy có hiệu tâm-sự của Cang hay không ? Ý muốn kêu ghẹo Cang bày tỏ niềm riêng hay sao mà hỏi như vậy ?

Cang ngược mặt ngó ngay cô Sáu, nhớ những lời cha vợ trong thơ như lúc cha mới cưới vợ, thì động lòng, nên đã không trả lời câu hỏi, mà lại hỏi cô : « Cô Sáu, hồi trước cha cháu vô tình với cô, vậy mà cô còn phiền cha cháu hay không ? Cháu xin cô đừng phiền, bởi vì cháu biết chắc cha cháu ăn-năn sự vô tình ấy lắm ».

Cô Sáu nghe mấy lời ấy thì chơng-bỡng, nhưng mà cô không cần hỏi tại cơ nào mà Cang được biết việc xưa, cô thờ đại rồi rưng-rưng nước mắt mà nói : « Làm sao mà cô phiền cha cháu cho được ! Tại cha cháu không phải ghen-duyên của cô, nên trời mới khiến không được phối hiệp với nhau... Thiệt lúc đầu cô buồn,

có buồn lòng lắm... Từ ngày cha cháu mất, thì có lên mà thờ vong-hồn của cha cháu, người cũng được vậy... Kếp rày không ước gần nhau, thì mình k'ấn vái Phật Trời, có lẽ kiếp khác sẽ gặp... Muộn gì...»

Đa hình qu'! Mà lại chơn-chất quá! Người sao không được thương mà không biết giận, lại vẫn thành tâm đợi chờ! Còn người sao được yêu mà không biết hờn, lại sanh tâm phân bội! Thế-tình làm sao mà hiểu được, nhơn-lâm làm sao mà dò được!

Cang lắng nghe những lời tha-t'ị' của cô Sáu, rồi thăm n'hi cuộc đời éo-le thì chàng lấy làm đau-đớn nên nói: «Cô đã không phiền cha cháu, mà cô lại còn thương cha cháu; không biết ở dưới Cửu Tuyền cha cháu có thấu hiểu hay không! Thôi, đầu thấu hiểu cũng vậy, mà đầu không thấu hiểu cũng vậy, cháu cũng xin thay mặt cho người quá vãng mà tạ ơn cô. Muốn cho cô được thấy cái lòng cảm mến của cháu rõ-ràng, cháu nguyện từ rày cháu sẽ kính trọng, cháu sẽ thương yêu cô như mẹ cháu vậy, có là mẹ về phần hồn của cháu. Cháu xin có hiệp với cháu mà thờ vong-hồn người yêu chung của chúng ta».

Cô Sáu động lòng quá, cô chịu không được, phải lấy khăn đậy mặt mà khóc. Cô khóc một hồi rồi cô bước lại gần một bên Cang mà hỏi nhỏ-nhỏ:

— Con đau-đớn về nội cha lắm hay sao?

— Đau-đớn lắm, đau-đớn mà không thể nói ra được, nên mới khó chịu.

— Con có tìm được mấy bức thơ của cha con rồi hay sao?

— Con đọc rồi.

— Trời đất ơi! Đọc làm chi!... Hồi ý hai gần t'ắc hơi, ý tôi ý muốn biết con đọc mấy bức thơ ấy. Con không hiểu. Có hiểu ý mà cô không dám nói ra.

— Nếu vậy thì cô cũng thấy 3 bức thơ ấy hay sao?

— Cô với ý hai thuở nay thương yêu nhau như ruột thịt, có việc gì là ý hai giấu cô đâu.

— Cô hết tâm-sự của con, tức biên cô hiểu tâm-hồn của con. Vậy con phải tỏ thiệt với cô: con không hề ở xứ ấy nữa được. Con phải đi, đi đâu cũng được, đi cho khuất con mắt, đi dặng giải thoát cái mối sầu ngâm-

ngâm có vấn-v'it trong trí con hoài, đi dặng trả thù cho sự thác oan của cha con chút ít.

— Cô hiểu, có hiểu ý con rồi. Con đã có đủ trí khôn, nên cô không nỡ x'ố, mà cũng không dám can con về việc nhà của con. Song cô khuyên con đầu thế nào con cũng đừng quên công ơn người sanh thành dưỡng dục con. Làm người phải nhớ công ơn ấy hoài hoài mới được.

Cang cúi mặt ngồi suy nghĩ một chút rồi nói giọng quả-quyết:

— Vì tại công ơn ấy nên con mới bối-rối rồi như định bỏ xứ mà đi. Nay con được biết lòng cô thương con, vậy con xin g'it nhà cửa phố xá này cho cô. Cô làm ơn quản-s'ất giữ gìn cho con. Cô được toàn quyền cai quản công-như việc nhà của cô vậy.

— Con tính như vậy coi sao được.

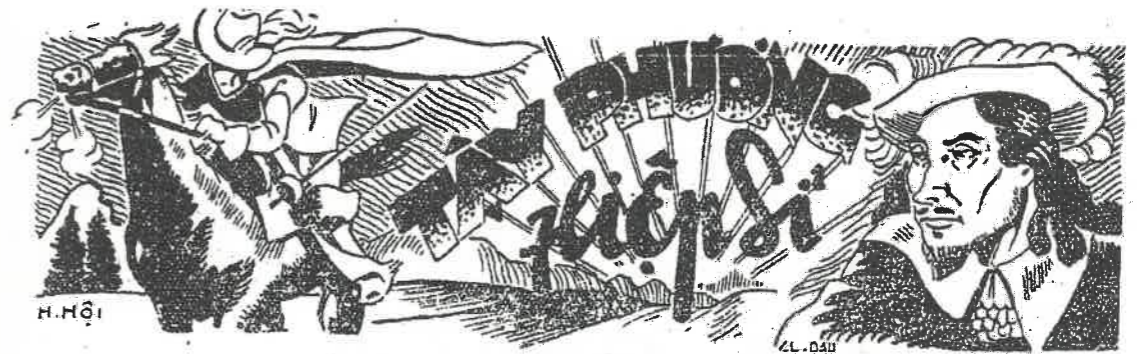
— Tại sao cô ái-ngại? Cô không thương con hay sao? Con đã nói con kính trọng thương yêu cô như mẹ con vậy, sao cô còn ái-ngại? Con biết lòng cô, có hiểu ý con, thì đủ rồi, thiên-hạ mà kẻ làm chi, nên cô lo coi được hay là coi không được.

Không biết lấy lý-thuyết gì mà cãi với những lời tâm-huyết ấy được, nên cô Sáu phải lặng thinh mà lãnh việc của Cang phủ-thác. Cang được an tâm mới ngồi nhắc đức tánh và cử-ch'ỉ của cha lại cho cô Sáu nghe; hai người nói chuyện tới quá nửa đêm rồi cô Sáu mới về.

Qua ngày sau, Cang sắp đặt việc đi Hà-nội. Chàng đem áo quần ra mà lựa coi chi nào nên đem theo, chi nào nên để ở nhà. Lấy tới cái áo b'ắn hôm qua, chàng rờ túi đựng phong thơ thì thấy được lúc từ giã mẹ mà đi, mà chàng quên l'ưng chưa coi thơ của ai. Chàng bèn l'ấy ra, thấy con dấu nhà thơ Tr'avinh, lại thấy chữ đề ngoài bao là tuồng chữ của Giáp, chàng mới cầm lại bàn mà ngồi rồi xé ra đọc như vậy:

(Còn nữa)

P. NGUYỄN-THƯỢNG-HIỀN
COI TAY
và vẫn ở số nhà 251, Đường Lagrandière
SAIGON



BẤY giờ Mazarin ng'óc lên, lấy tay vỗ vào đầu, nói:

— Á, bây giờ tôi nhớ lại rồi.

Athos lấy làm lạ, ng'ó ng'ái.

— Ủ, phải rồi, thiệt phải rồi! Tôi chỉ được bá-tước rồi, vậy tôi không còn lấy chi làm lạ nữa.

Athos mỉm cười, trả lời:

— Còn tôi, tôi lấy làm lạ sao ngài là một người có cái trí nhớ lạ thường mà ngài lại chưa nhìn được tôi.

— Phải rồi, bao giờ cho tới bao giờ cũng còn câu-màu, c'ự-nự... Để coi... người ta kêu bá-tước là... để coi... in là tên một con sông... Potamos... không phải... tên một cái cù-lao... Naxos... cũng chưa phải nữa... để coi n'á, ừ, tên một hòn núi... Athos! phải rồi! Tôi rất lấy làm hân-hạnh mà tái-ng'ó bá-tước. Tôi rất lấy làm vui mà không còn ở tại 1 ng Rueil là nơi mà bá-tước bắt tôi trả tiền chuộc mang ngày-trước đ'... Loạn Fronde! Bao giờ cũng còn loạn Fronde! Giặc Fronde khôn-nạn ấy! (1) Tại làm sao tôi đã hết 'ó? Bá-tước rồi mà bá-tước còn ghét tôi? Nếu như có người phiên tôi thì theo ý tôi tưởng người ấy không phải là Bá-tước vậy... bởi vì sau cuộc phiến-lo' ấy rồi bá-tước đã bình-an vô-sự lại còn được đeo nơi cổ sợi dây huy-chương Saint Esprit nữa.

— Thưa ngài, xin ngài cho phép tôi dẹp vấn-đề ấy lại một bên. Tôi có một n'hiệm-v'ụ cần phải làm cho tròn... Tôi xin hỏi ngài vậy chứ ngài có chịu giúp cho tôi làm cái nhiệm-v'ụ ấy cho dễ dàng ch'ần?

— N'ay ông Athos, tôi rất lấy làm lạ sao một người có ch'ơn trong loạn Fronde như ông lại lãnh một cái-nhiệm-v'ụ như vậy để thương-thuyết với Mazarin n'ay...

Mazarin ho s'ần-s'ặc, nói dứt khúc dứt đoạn, nhưng nói tới đây lại cười dài.

Athos dịu giọng nói:

— Tôi lãnh nhiệm-v'ụ này là chỉ để thương-thuyết với vua Ph'án mà thôi.

KIỂM-HIỆP TIỂU-THUYẾT
do Thân-Vấn
♦ Nguyễn-văn-Quý ♦
dịch truyện:
Le Vicomte de Bragelonne
của Alexandre DUMAS

(Tiếp theo)

— Dấu sao, cũng vậy, công-việc mà bá-tước lãnh đây...

— Thưa ngài, công-việc ấy nhà vua phú thác cho tôi, chứ không phải tự nơi tôi lãnh; vì tôi không có t'án' đi tìm công-việc mà lãnh.

— Việc ấy không lấy chi làm qu'ản-hệ lắm. Bá-tước mà muốn thương-thuyết với B'ệ-hạ cũng phải do nơi tôi trước đã... Vậy

chúng ta chờ làm cho mất thì giờ... Bá-tước hãy nói rõ những điều-k'iện về cuộc thương-thuyết cho tôi nghe.

— Thưa ngài, tôi đã được đ'ại vinh-d'ự cho ngài biết rằng những điều-k'iện mà ngài hỏi đó thì vua Charles II biên ở trong bức thơ, chứ không có nói riêng với tôi.

— N'ay bá-tước, với cử-ch'ỉ ngu'oi-lạnh của bá-tước đó, thì bá-tước chỉ làm trò-cười cho tôi mà thôi. Thấy như vậy thì đủ hiểu rằng bá-tước đã quen theo cái thói g'ạo của người Anh rồi. Cái sự bí-mật của bá-tước, tôi đã biết rồi, biết còn hơn bá-tước nữa. Một người già cả b'ình-hoạn như tôi, trọn đời lao-c'ông lao-l'ực, đeo-d'ài theo chỉ-b'ướng của mình, mà bá-tước không n'ể-v'ì, thì bá-tước qu'ấy lắm... Bá-tước không muốn nói ch'ằng? Được. Bá-tước k'ông muốn trao bức thơ cho tôi? Được. Vậy bá-tước hãy theo tôi, vào phòng của tôi mà nói chuyện với nhà vua... Mà trước khi vào tôi xin hỏi một lời: Ai th'ông huy-chương Toison cho bá-tước vậy? Tôi nhớ bá-tước có được Jarretière, còn cái Toison n'ay thật tôi không biết a...

— Thưa ngài, mới đây, trong dịp b'ệ-hạ cưới công-chúa Espagne, vua Espagne mới g'ởi qua cho vua Charles một cái cấp-h'ạng Toison để trống không có biên tên. Vua Charles mới biên tên tôi vô và g'ởi cho tôi.

Mazarin b'èn đứng dậy, v'ịn tay Bernouin, bước vào gi'ường thì vừa khi ấy quân b'ò có ông Hoàng Condé tới. Ông Hoàng Condé là người đ'ại-th'ắng trận Rocroy, trận Lens và trận Nord-

(1) Loạn Fronde là một cuộc đ'ại-lo' ở Pháp thờ t'ái-t'ử mà quân-d'ội của Mazarin đánh cùng binh-s'ĩ của quân-th'ần ở Paris.

lingen, bước vô cô các nhà quí-phái tùy-tùng. Ngài vừa thì lễ với nhà vua thì quan Tể-tướng cũng vừa vén màn lên.

Athos dòm thấy Raoul (là tử-tước Brage'onne) bắt tay bá-tước De Guiche và cúi đầu kính chào ngài. Athos gặp con, ngó con mỉm cười.

Athos lại thấy sắc mặt hớn-hở của Tể-tướng khi Tể-tướng nhìn đồng tiền vàng trên bàn mà bá-tước De Guiche vừa đánh ăn, trong khi cầm bài giùm cho Tể-tướng. Ngài mừng quá rồi ngài quên cả Sự-thần, cả ông Hoàng Condé, chỉ còn tưởng có vàng mà thôi.

— Coi nè, trọn đồng vàng này là tiền ăn bài đây sao ?

Bá-tước De Guiche đứng dậy đáp :

— Thưa ngài phải, cả thầy là năm chục ngàn đồng Á-cu (écus). Ngài muốn tôi trả chỗ lại cho ngài hay là muốn tôi ngồi chơi luôn ?

— Trả lại ! Trả lại ! Để khanh điên, khanh thua lại hết.

Khi ấy ông Hoàng Condé chào Tể-tướng nói :

— Tôi chào ngài.

— Tôi chào Điện-hạ. Điện-hạ không nề nhọc, nhân đến thăm một người bạn đàn như vậy, tôi lấy làm cảm-tạ thanh-tinh lắm đó.

Athos nghe Mazarin dùng tiếng « bạn » thì làm-thăm nói : « Hừ ! Bạn ! Bạn gì mà Mazarin với Condé á ! »

Đương như Mazarin độ thấu cái ý của Athos, nên ngài ngó cười rất tự-đắc, và nói với vua rằng :

— Tàu bé-hạ, thần xạ trình-diện Bá-tước De la Fère là Sự-thần của vua Anh-quốc...

Rồi ngài dạy qua các quan, ra dấu bảo đi ra phía ngoài và nói :

— Xin mời các quan ra ngoài cho bé-hạ bàn việc nước.

Ông Hoàng Condé bước ra ngoài. Raoul liếc mắt ngó cha rồi cũng theo ra.

Hoàng-đệ Philippe và Hoàng-hậu nhìn nhau đờng như hỏi nhau coi phải ra hay ở. Mazarin cân lại và nói :

— Việc nhà chớ không phải việc nước. Bá-tước đây, đem cho Hoàng-thượng một bức thư của vua Charles II, ngày nay đã hoàn-toàn phục nghiệp. Trong thư xin cho Quận-công là em của Hoàng-thượng sánh duyên cùng Công-chúa Henriette là cháu-ngoại của vua Henri IV, là em của vua Charles II... Tôi xin bá-tước hãy trao bức thư cho Hoàng-thượng.

Athos chung-hững, không hiểu tại làm sao Tể-tướng lại biết rõ nội-dung bức thư mà

bức thư thì không một phút nào lia khỏi mình Athos. Tuy lấy làm lạ, song bao giờ nhà hiệp-sĩ cũng giữ được về tinh-tuồng, lấy bức thư trình cho vua Louis. Nhà vua lấy thư mà dò mắt. Bấy giờ trong phòng quan Tể-tướng lặng-trang, chỉ nghe tiếng vàng của quan Tể-tướng cất vào tủ khóa lên-kén mà thôi. Lúc ấy nhà vua xé phong thư ra đọc.

XLII

Nhà vua nhìn Athos từ lúc Athos mới vô phòng, cho tới khi nghe hai tiếng « phục nghiệp » thì rất chú-ý ; hỏi :

— Trăm xin khanh cho biết vài chi-tiết về tình-hình quốc-sự ở An-l. Khanh là người Pháp, khanh ở Anh về đây, trăm lại thấy chôi-rạng trên mình khanh những huy-chương chứng cho trăm biết rằng khanh vừa là một người xứng-dáng, vừa là một kẻ có tài.

Mazarin dạy qua nói với Thái-hậu :

(Còn tiếp)

PHƯƠNG PHÁP TRỊ BỆNH HO-LAO

Tôi có 1 phương thuốc trị bệnh ho lao của ông bà để lại hay quá. Xưa nay chỉ để giúp người ở thôn lán. Nó trị bệnh nhẹ thì mau lắm, còn bệnh thiết nặng như tiếng tắc, mệt và nóng lạnh liên-miên, tôi cho uống thì chỉ thấy khỏe trong một lúc, không hết; chớ còn như bệnh ho chưa thiết nặng như nói trên và những-chức ho thường như : ho ra máu, ho khan, ho đàm, ho gió, ho phong vân vân thì uống mau lành lắm. Còn người bị té bị đánh động phổi tức ngực thì uống càng mau hơn. Có nhiều người dùng thấy hay, khuyến khích tôi làm ra bán khắp nơi cho ai cũng dùng được ; nhưng vì phương thuốc này mắc quá nên tôi không muốn. Nay người ta khuyến khích quá và tôi nghĩ lại có nhiều bệnh tổn bạc ngài mà không hết thì thuốc này sánh cũng không mắc gì, nên tôi làm ra và chia nhăm mỗi ve uống một tuần thì giá 12 \$ 00. Tùy theo bệnh, uống 1 hoặc 2 hay 3 tuần thì lành bệnh.

Dùng thuốc này rồi ngoài còn phải có cách kiêng cử và lựa chọn món ăn và phương pháp làm cho phổi mau tươi nhuận bệnh mới mau lành. (Tôi có chỉ rõ trong toa). Trong hộp có hai thứ thuốc uống : 1 thứ uống nhuận trường dưới đàm trong phổi ra đại trường ; 1 thứ bổ phổi trị ho. Vay ai muốn mua, viết thư hoặc mandat để :

Monsieur NGUYỄN-VĂN-SÁNG
Cụ Hương-giáo làng Tân-Quốc
Boite postale n° 10 (CÁNHỜ)

AVIS D'APPEL D'OFFRES
intérieur et restreint
BUDGET GÉNÉRAL

Lieu date et heure de l'appel d'offres : Bureau de l'Ingénieur Principal, Chef de l'Arrondissement du Nord des Travaux Publics, à Saigon, le Jeudi 7 Octobre 1943, à 10 heures.

Objet : Livraison de 1.400m3 de cailloutis et de 125m3 de latérite nécessaires, pendant l'année 1943 au rechargement de la chaussée de la Route Coloniale N° 1, dans la Subdivision de Biênhoa.

Numéros des lots	Routes	Subdivisions	Quantités de matériaux à fournir		Kilomètres	Importance approximative	Cautionnements	
			Cailloutis	Latérite			Provisoire	Définitif
1	R.C. N° 1	Biênhoa	300 m3	125 m3	1774 à 1776	2.900 \$00	50 \$	1.000 fr.
2	—	—	100 —	—	1870 à 1872	8.800 \$00	150	3.000

Lieu et heure de consultation du dossier : Bureau de l'Ingénieur Principal, Chef de l'Arrondissement du Nord des Travaux Publics, à Saigon aux heures ordinaires d'ouverture des bureaux.

Phụ-nữ luận đàm

(Tiếp theo trang 11)

Người các nước sẽ nhìn nhận phụ nữ nước mình bằng con mắt thế nào. Đương nói : « ai dọi mũi lệch thì xấu người ấy » nhưng con sâu bõ sâu nổi canh, em sở dĩ phải viết bài này cũng chẳng qua vì ý nghĩ ấy ! Em mong rằng : một ngày kia em sẽ không phải gặp những quái tượng ấy hiện hình. Đã đành rằng cách ăn mặc của chị em là tùy theo sở thích riêng, không ai có quyền ngăn cản ; nhưng chị em nên nhớ rằng : tánh tình, địa vị, nét na, đức hạnh của chị em há chẳng bị « tố cáo » bởi sự ăn mặc của chị em ư ?

Tóm lại, em xin nhờ câu nói của chị Kim-Tuyên mà kết luận : « Hề muốn nói đến khỏi phục gia đình là phải cần đến chúng ta và y phục của chị em nó sẽ chứng nhận trình độ tri thức và luân lý xứ này ».

Em mong rằng ít lời thô thiển của một thôn nữ như em có ảnh hưởng đôi chút và các bạn đọc cũng không cho em là làm rộn ràng trong mười lăm phút vô ích.

Trong lúc này, người ta cần phải « đã đảo » tất cả cái gì yếu hèn, chường tai, gai mắt, đem toàn lực và tận tâm để phục hưng lại gia đình và tổ quốc, như là xã hội nước này mà em thấy luân lý là nền tảng.

Em : NGỌC-ỨC
(Longphủ Sóc-trang)

Muôn bán :

Một bộ ĐẠI NAM QUỐC
ÂM TỰ VỊ của PAULUS
Huỳnh-tĩnh-Cửa (1895 - 1896)

Xin do nơi Báo-quán.

Savon VIET-NAM

Tốt nhất

DO PHONG GÌ

Sanh nhức mỗi, đau lưng, tê bại, sưng, ngứa ngăm, mề-dại, ghê lác. Uống TRÚ PHONG GIẢI ĐỘC HUỒN của Nhà thuốc « HAY » Cảnh-thơ MANH-LIÊN. Uống ít nhuận trường, nhiều thì xổ. Đàn bà sanh con có phong đẹn ghẻ nuôi không dặng, uống dưới phong sau sanh con nuôi dặng. Mua lẻ từ 5 \$00 khỏi chịu tiền gởi. Giá: 0 \$80 Không ky thai. — Cần mỗi chỗ một Đại-lý.

Tổng Đại-lý Biên-hóa :
Huỳnh-thị-Đầm Rte Cie N° 1.